

Số: 12./2020/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 15 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin trong giải quyết tố cáo;
trách nhiệm phối hợp trong công tác quản lý nhà nước và
giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng ngày 28 tháng 3 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;

Căn cứ Nghị định số 81/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;

Theo đề nghị của Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 39/TTr-TT ngày 31 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin trong giải quyết tố cáo; trách nhiệm phối hợp trong công tác quản lý nhà nước và giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2020 và thay thế Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND và Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Lào Cai và Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh và Cổng TT điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng; 
- Lưu: VT, các CV, TCD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong

QUY CHẾ

Tiếp nhận, xử lý thông tin trong giải quyết tố cáo; trách nhiệm phối hợp trong công tác quản lý nhà nước và giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12./2020/QĐ-UBND
ngày 15./4./2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc tiếp nhận, xử lý thông tin trong giải quyết tố cáo; trách nhiệm phối hợp trong công tác quản lý nhà nước và giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Những nội dung về tố cáo, xử lý đơn tố cáo và giải quyết tố cáo không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018 và Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với những người tố cáo, các cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc giải quyết tố cáo, phối hợp xử lý và giải quyết tố cáo.

Điều 3. Nguyên tắc giải quyết tố cáo, phối hợp trong giải quyết tố cáo

1. Việc giải quyết tố cáo phải kịp thời, chính xác, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định pháp luật; bảo đảm an toàn cho người tố cáo; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo trong quá trình giải quyết tố cáo.

2. Việc phối hợp trong công tác giải quyết tố cáo phải tuân thủ đúng chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, tổ chức và công dân. Bảo đảm thống nhất công tác quản lý nhà nước về tố cáo; tránh hình thức, chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác.

3. Hoạt động phối hợp giữa các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố dựa trên cơ sở vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được pháp luật quy định.

4. Đảm bảo tính kỷ luật, nguyên tắc trong công tác phối hợp; đề cao trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cán bộ, công chức tham gia phối hợp thực thi pháp luật về tố cáo.

5. Cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc giải quyết tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc tố cáo theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đó.

6. Kết hợp đồng bộ các biện pháp vận động tuyên truyền, thuyết phục với biện pháp hành chính, biện pháp hình sự (khi có dấu hiệu của tội phạm); trong đó áp dụng biện pháp tuyên truyền, thuyết phục là chính; kiên quyết xử lý đối với những trường hợp người tố cáo có hành vi cố tình vi phạm, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ hoặc có hành vi chống đối, gây rối trật tự công cộng.

Điều 4. Cử người đại diện tố cáo

1. Trường hợp nhiều người viết đơn tố cáo có cùng nội dung thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo, họ tên của người đại diện cho người tố cáo.

2. Trường hợp nhiều người đến trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản:

- a) Người đại diện phải là người tố cáo;
- b) Việc cử đại diện phải lập thành văn bản theo quy định tại Khoản 3 Điều này;
- c) Việc xác định số người được cử đại diện thực hiện như sau:

Trường hợp có 05 đến 10 người tố cáo thì cử 01 hoặc 02 người đại diện. Trường hợp từ 10 người trở lên thì có thể cử thêm đại diện nhưng tối đa không quá 05 người.

d) Sau khi người đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản thì ngoài chữ ký của người đại diện, những người tố cáo còn lại cũng phải ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản do người đại diện tố cáo lập.

3. Văn bản cử người đại diện được lập ít nhất 02 bản; 01 bản nộp cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo; 01 bản người đại diện tố cáo giữ; văn bản cử người đại diện có những nội dung sau:

- a) Ngày, tháng, năm;
- b) Họ, tên, địa chỉ của người đại diện và của những người tố cáo;
- c) Nội dung, phạm vi được đại diện;
- d) Chữ ký hoặc điểm chỉ của những người tố cáo;
- đ) Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của việc đại diện;
- e) Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Chương II

TIẾP NHẬN TỐ CÁO, XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG GIẢI QUYẾT TỐ CÁO, TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH TRONG GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 5. Tiếp nhận tố cáo

1. Nội dung tố cáo được tiếp nhận trực tiếp qua việc tiếp công dân hoặc qua đường bưu điện hoặc đơn được các cơ quan chuyển đến.

2. Đơn tố cáo từ các nguồn chuyển đến phải được tập trung vào một đầu mối, giao cho bộ phận tiếp công dân, bộ phận xử lý đơn của cơ quan hoặc Văn phòng (nếu không thành lập bộ phận tiếp công dân, bộ phận xử lý đơn) để vào sổ theo dõi; cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo để phân loại và xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Quy chế này.

3. Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn, thì đơn tố cáo phải đảm bảo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Tố cáo 2018.

Trường hợp đơn tố cáo viết bằng chữ nước ngoài thì cơ quan thụ lý giải quyết tố cáo phải thực hiện dịch sang chữ tiếng Việt. Văn bản dịch sang tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật về chứng thực. Người dịch phải chịu trách nhiệm trước cơ quan giải quyết tố cáo, trước cơ quan thực hiện chứng thực về tính chính xác của nội dung bản dịch.

4. Trường hợp người tố cáo viết đơn tố cáo bằng chữ dân tộc thiểu số hoặc tố cáo trực tiếp bằng tiếng dân tộc thiểu số thì cơ quan thụ lý giải quyết tố cáo phải mời người phiên dịch đơn sang chữ tiếng Việt hoặc phiên dịch nội dung tố cáo trực tiếp sang tiếng Việt. Người phiên dịch phải chịu trách nhiệm trước cơ quan tiếp nhận, giải quyết tố cáo về tính chính xác của nội dung phiên dịch. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết tố cáo thanh toán mức chi phí cho người phiên dịch theo quy định của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng ngày 28 tháng 3 năm 2012 và Nghị định số 81/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng.

Điều 6. Các trường hợp không thụ lý tố cáo

1. Tố cáo không đảm bảo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Luật Tố cáo 2018.

2. Trường hợp tố cáo cán bộ, công chức cơ quan, tổ chức nhà nước có hành vi, việc làm nhằm đặt ra điều kiện, yêu cầu, đòi hỏi giải quyết quyền lợi trực tiếp cho người tố cáo (bản chất là nội dung khiếu nại) thì xử lý theo quy định của Luật Khiếu nại.

3. Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại mà không cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

4. Tố cáo đã được cấp có thẩm quyền giải quyết nay tố cáo lại nhưng không cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ mới chứng minh là cơ quan giải quyết tố cáo trước đó có sai phạm.

5. Trường hợp tố cáo tiếp nhưng việc giải quyết tố cáo trước đó là đúng quy định của pháp luật.

6. Nội dung tố cáo không có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 7. Trưng cầu giám định

1. Khi xét thấy cần có sự đánh giá về chuyên môn, kỹ thuật làm căn cứ cho việc kết luận về nội dung tố cáo hoặc theo đề nghị bằng văn bản của người tố cáo, người bị tố cáo thì người giải quyết tố cáo quyết định việc trưng cầu giám định. Trường hợp giao cho cơ quan Thanh tra nhà nước xác minh nội dung tố cáo thì người giải quyết tố cáo có thể ủy quyền cho cơ quan thanh tra quyết định việc trưng cầu giám định.

Việc trưng cầu giám định phải bằng văn bản theo mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

2. Việc giao nhận hồ sơ, đối tượng trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012.

3. Cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định có trách nhiệm thực hiện giám định những vấn đề trong phạm vi được trưng cầu. Trình tự thực hiện giám định thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012. Kết luận giám định phải có các nội dung sau:

- a) Họ, tên người thực hiện giám định; tổ chức thực hiện giám định;
- b) Tên cơ quan trưng cầu giám định; họ, tên người trưng cầu giám định; số văn bản trưng cầu giám định hoặc họ, tên người yêu cầu giám định;
- c) Thông tin xác định đối tượng giám định;
- d) Thời gian nhận văn bản trưng cầu, yêu cầu giám định;
- đ) Nội dung yêu cầu giám định;
- e) Phương pháp thực hiện giám định;
- g) Kết luận về đối tượng giám định;
- h) Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định.

4. Trong trường hợp trưng cầu, yêu cầu cá nhân thực hiện giám định thì chữ ký của người thực hiện giám định phải được chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực.

Trường hợp trưng cầu, yêu cầu tổ chức thực hiện giám định thì người đứng đầu tổ chức phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định và tổ chức được trưng cầu, yêu cầu chịu trách nhiệm về kết luận giám định.

Trường hợp Hội đồng giám định quy định tại Khoản 1 Điều 30 Luật Giám định tư pháp thực hiện giám định thì người quyết định thành lập Hội đồng phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm về tư cách pháp lý của Hội đồng giám định.

5. Giám định bổ sung, giám định lại được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012.

6. Thời gian thực hiện giám định không tính vào thời hạn giải quyết tố cáo. Kết luận giám định được lưu trong hồ sơ giải quyết tố cáo.

7. Chi phí giám định do cơ quan trung cầu giám định chi trả trong nguồn kinh phí ngân sách không tự chủ được giao hàng năm theo quy định của pháp luật về chi phí giám định.

Trường hợp trung cầu giám định theo yêu cầu của người tố cáo, người bị tố cáo thì chi phí giám định do những người này chi trả.

Điều 8. Các trường hợp không được thực hiện giám định

1) Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được thực hiện giám định:

a) Người bị tố cáo, người thân thích của người bị tố cáo hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến nội dung tố cáo.

b) Được trung cầu giám định lại về cùng một nội dung trong vụ việc mà mình đã thực hiện giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2) Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được thực hiện giám định:

a) Có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ việc tố cáo;

b) Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng tổ chức này có thể không khách quan, vô tư trong khi thực hiện giám định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Mục 1

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ, CƠ QUAN PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan Thanh tra tỉnh, Thanh tra cấp huyện

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai; có trách nhiệm tham mưu giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Thanh tra huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là thanh tra cấp huyện) là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện; có trách nhiệm tham mưu giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Trách nhiệm của cơ quan Thanh tra trong công tác tham mưu giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xây dựng kế hoạch và chủ trì triển khai tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến công tác giải quyết tố cáo; trong đó xác định nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị phối hợp.

b) Duy trì mối liên hệ với các cơ quan phối hợp về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình, kết quả thực hiện hoạt động phối hợp trong công tác giải quyết tố cáo.

d) Yêu cầu cơ quan phối hợp cử cán bộ có đủ năng lực tham gia các hoạt động phối hợp; gửi cơ quan phối hợp các quyết định, chương trình, kế hoạch hoạt động phối hợp để tổ chức thực hiện.

đ) Chủ trì tham mưu việc thành lập các Đoàn thanh tra liên ngành để thẩm tra, xác minh giải quyết các vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân khi được giao; tham mưu ban hành các kết luận, kiến nghị để xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật đã được phát hiện qua công tác giải quyết tố cáo.

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân xử lý những vụ việc có sự chồng chéo, chưa thống nhất về thẩm quyền giải quyết tố cáo.

Điều 10. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan nhà nước trong công tác giải quyết tố cáo.

1. Cơ quan chủ trì giải quyết tố cáo là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo khi nhận được đơn tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật tố cáo và Quy chế này.

2. Cơ quan phối hợp giải quyết tố cáo là cơ quan có liên quan đến các nội dung tố cáo mà cơ quan chủ trì đang thụ lý giải quyết.

3. Cơ quan chủ trì tham mưu trong việc giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (huyện) là cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (huyện) giao thụ lý hoặc xác minh vụ việc. Cơ quan phối hợp tham mưu giải quyết tố cáo là cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (huyện) giao nhiệm vụ phối hợp với cơ quan chủ trì hoặc cơ quan có liên quan khác trong việc tham mưu giải quyết tố cáo.

4. Nguyên tắc xác định thẩm quyền trong giải quyết tố cáo thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 41 Luật Tố cáo.

Việc xác định cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp giải quyết tố cáo thực hiện như sau:

a) Đối với đơn tố cáo có nhiều nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của hai hay nhiều cơ quan khác nhau thì cơ quan tiếp nhận đơn là cơ quan chủ trì, các cơ quan liên quan là cơ quan phối hợp trong việc giải quyết tố cáo.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, cơ quan chủ trì có trách nhiệm xác định thẩm quyền giải quyết từng nội dung để chuyển nội dung tố cáo đến đúng cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu giải quyết của cơ quan chủ trì gửi đến, cơ quan nhận được yêu cầu giải quyết phải tiến hành thụ lý nội dung thuộc thẩm quyền; trường hợp không đủ điều kiện giải quyết phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chủ trì biết.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan phối hợp

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và sự phân công, chỉ đạo của người/cơ quan có thẩm quyền các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phối hợp các hoạt động sau:

a) Phân công lãnh đạo phụ trách, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ về giải quyết tố cáo và tham dự các phiên họp liên quan đến công tác giải quyết tố cáo do Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc cấp trên triệu tập hoặc cơ quan chủ trì yêu cầu; chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu cần thiết phục vụ cho công tác giải quyết tố cáo có liên quan.

b) Kịp thời xem xét, giải quyết các đơn tố cáo của công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành, đơn vị, địa phương mình khi nhận được văn bản chuyển đơn của Ban tiếp công dân tỉnh, Thanh tra tỉnh.

c) Cử cán bộ, công chức có nghiệp vụ chuyên môn của đơn vị mình tham gia giải quyết các vụ việc tố cáo có liên quan đến lĩnh vực mà ngành, địa phương mình quản lý khi có yêu cầu.

d) Xây dựng kế hoạch đào tạo và phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ về giải quyết tố cáo cho cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị mình.

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện triệt để các kết luận, kiến nghị, quyết định của cơ quan Thanh tra, Kết luận giải quyết tố cáo, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền.

e) Trao đổi, cung cấp thông tin về tố cáo cho cơ quan Thanh tra cùng cấp về tình hình tố cáo và công tác giải quyết tố cáo ở sở, ngành, địa phương mình quản lý.

Điều 11. Phối hợp trao đổi thông tin

Trường hợp cần trao đổi thông tin, tài liệu phục vụ công tác giải quyết tố cáo; các cơ quan phối hợp có trách nhiệm trao đổi, cung cấp theo yêu cầu của cơ quan đề nghị. Nếu từ chối cung cấp thông tin, cơ quan được yêu cầu phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

Mục 2

PHỐI HỢP XỬ LÝ CÁC VỤ VIỆC TỐ CÁO PHỨC TẠP, CÓ NHIỀU NGƯỜI THAM GIA; THỰC HIỆN PHỐI HỢP TRONG TỔ CHỨC THI HÀNH KẾT LUẬN GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 12. Phương pháp xử lý đối với các vụ việc tố cáo có nhiều người tham gia

1. Đối với những vụ việc đã có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ hoặc kết luận giải quyết của các Bộ, ngành chức năng của Trung ương, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì cơ quan chủ trì yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan khẩn trương tổ chức thực hiện đúng thời gian quy định.

2. Ban Tiếp công dân tỉnh phối hợp với Thanh tra tỉnh tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giao vụ việc cho thủ trưởng các sở, ban, ngành hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố rà soát lại vụ việc tố cáo được giải quyết chưa đúng quy định của pháp luật. Xây dựng kế hoạch tập trung giải quyết và xác định rõ thời hạn kết thúc từng vụ việc, với tinh thần chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân.

3. Trường hợp nội dung tố cáo có cơ sở thì Thanh tra tỉnh tham mưu, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan tự khắc phục, sửa chữa những sai sót trong thời hạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu; báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc thay đổi, hủy bỏ các biện pháp, các quyết định giải quyết trước đó. Kết luận về trách nhiệm và hình thức xử lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan nhà nước có sai phạm; công bố những trường hợp điển hình trên các phương tiện thông tin đại chúng để có tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

4. Trường hợp có căn cứ khẳng định việc giải quyết của các cấp có thẩm quyền là đúng chính sách, pháp luật thì cơ quan chủ trì giải thích, thuyết phục người tố cáo để họ chấp hành và chấm dứt tố cáo. Trong trường hợp người tố cáo vẫn không chấp nhận thì có văn bản đề nghị cơ quan có chức năng giám sát hoặc tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho lợi ích của người tố cáo có ý kiến bằng văn bản để công bố cho người tố cáo biết.

Trong trường hợp người tố cáo vẫn thiếu thiện chí, lạm dụng quyền tố cáo để xuyên tạc, vu khống cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, gây rối trật tự công cộng, cư trú trái pháp luật thì cơ quan Công an áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính hoặc áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật; đồng thời công bố rõ nội dung vụ việc trên các phương tiện thông tin đại chúng để có tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

5. Đối với những vụ việc chưa được xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định thì cơ quan chủ trì xem xét, giải quyết lại nếu thuộc thẩm quyền hoặc giải thích và có văn bản hướng dẫn người tố cáo đến cơ quan có trách nhiệm để giải quyết theo thẩm quyền. Cơ quan có trách nhiệm giải quyết phải thụ lý, ra quyết định giải quyết theo quy định của pháp luật tố cáo và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả giải quyết.

Điều 13. Phối hợp giữa cơ quan Thanh tra với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các sở, ban, ngành trong việc kiểm tra, theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận, văn bản về giải quyết tố cáo.

1. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc bằng văn bản công tác thực hiện các kết luận, văn bản về giải quyết tố cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh đã có hiệu lực.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh khi nhận được kết luận, văn bản về giải quyết tố cáo do cơ quan có thẩm quyền ban hành phải tổ chức triển khai thực hiện trong phạm vi những nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định. Kết quả thực hiện báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh và Thanh tra tỉnh để theo dõi, xử lý,

3. Thanh tra cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc bằng văn bản công tác thực hiện các quyết định, kết luận, văn bản về giải quyết tố cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện đã có hiệu lực.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn khi nhận được các quyết định, kết luận, văn bản về giải quyết tố cáo do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thanh tra huyện ban hành phải tổ chức triển khai thực hiện trong phạm vi những nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định. Kết quả thực hiện báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp huyện và Thanh tra huyện để theo dõi, xử lý.

5. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các kết luận tố cáo, văn bản xử lý liên quan đến tố cáo của cấp có thẩm quyền phải thực hiện những nội dung thuộc trách nhiệm của mình, đồng thời chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan khác để thực hiện những nội dung thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan, đơn vị.

Điều 14. Phối hợp trong việc tham mưu giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các kết luận, văn bản về giải quyết tố cáo đã có hiệu lực

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh thì các cơ quan có liên quan phải có văn bản báo cáo cụ thể từng nội dung, đề xuất hướng xử lý về cơ quan Thanh tra cùng cấp để cùng thống nhất hướng xử lý trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp giải quyết.

2. Khi có căn cứ cho rằng kết luận, văn bản về giải quyết khiếu nại, tố cáo do Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc cấp trên ban hành không thể thực hiện được thì cơ quan Thanh tra có trách nhiệm kiểm tra, xem xét lại vụ việc, đề xuất biện pháp giải quyết trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung đã giải quyết cho phù hợp.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12 hàng năm, cơ quan phối hợp có trách nhiệm gửi báo cáo về cơ quan Thanh tra tỉnh kết quả thực hiện nhiệm vụ và các hoạt động phối hợp trong công tác giải quyết tố cáo; trường hợp ngày gửi báo

cáo trùng vào ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật Lao động thì phải gửi báo cáo vào ngày làm việc tiếp theo.

Trường hợp quá thời hạn báo cáo mà cơ quan phối hợp không có báo cáo thì cơ quan Thanh tra gửi thông báo bằng văn bản cho thủ trưởng các cơ quan phối hợp và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc các sở, ngành cấp tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, các tổ chức, đơn vị trực thuộc tỉnh có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền quản lý của mình theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh theo quy định của Thanh tra Chính phủ; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá các nội dung hoạt động phối hợp để báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức phản ánh về Thanh tra tỉnh để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong